

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 28/6/2023
V/v “T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Khắc Hồi
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 668/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Đ, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
2. *Bị đơn:* Phạm Thị L, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Trần Thị Đ như sau:

Bà Đ có bán thức ăn, thuốc thủy sản cho bà Phạm Thị L. Hai bên thỏa thuận khi nào thu hoạch xong thì bà L mới trả tiền cho bà Đ. Việc giao dịch này diễn ra nhiều năm. Lúc đầu bà L thực hiện rất tốt, sau này thu hoạch không trả như thỏa thuận. Đến ngày 16/01/2019 hai bên chốt lại thì bà L còn nợ bà Đ số tiền 62.367.000 đồng có làm biên nhận do bà L ký tên. Do bà L hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện đúng nên bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 62.367.000 đồng. và tính lãi 10%/ năm số tiền 26.894.700 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị L như sau: Bà L thừa nhận có nợ tiền thuốc thức ăn nuôi trồng thủy sản của bà Đ nhưng bà cho là có trả cho bà Đ một số tiền, còn nợ lại bà Đ 53.000.000 đồng chưa có trả. Do bà L bận công chuyện không có mặt theo thông báo của Tòa được nên có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.
- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ. Buộc bà L phải trả cho bà Đ số tiền 62.367.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu của bà Đ về số tiền lãi 26.894.700 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Đ và bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Bà Đ và bà L có hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn nuôi trồng thủy sản. Hai bên thỏa thuận miệng phía bà Đ cung cấp thuốc thức ăn theo yêu cầu của bà L và bà L thanh toán tiền thuốc, thức ăn cho bà Đ khi thu hoạch xong. Lúc đầu hai bên thực hiện rất tốt dần về sau bà L thu hoạch xong không trả tiền. Đến năm 2019 hai bên chốt lại thì bà L còn nợ bà Đ số tiền 62.367.000 đồng có làm biên nhận do bà L ký tên nên hợp đồng mua bán giữa bà Đ và bà L là có thật. Sau khi thu hoạch bà L không trả tiền cho bà Đ như hai bên thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 62.367.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Phía bà L cho là có trả cho bà Đ một phần, số tiền còn nợ lại 53.000.000 đồng, bà Đ cho rằng từ khi chốt nợ bà L không có trả phần nào. Tòa án đã ra quyết định buộc bà L cung cấp chứng cứ, chứng minh bà còn nợ bà Đ 53.000.000 đồng nhưng bà L đã không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà có trả tiền cho bà Đ và nợ lại số tiền 53.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận. Từ những nhận định nêu

trên buộc bà L phải trả cho bà Đ số tiền 62.367.000 đồng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu trả nợ gốc và lãi nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 12/6/2023 bà Đ thay đổi yêu cầu không tính lãi, chỉ yêu cầu bà L trả nợ gốc số 62.367.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu tính lãi của bà Đ.

[3] Về án phí: Do bà L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430; 440; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ

Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền 62.367.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí: Do bà L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 650.000 đồng, ngày 18/5/2023, biên lai số 0016630.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 28 tháng 6 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Lữ Khắc Hồi và bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 668/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Trần Thị Đ, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn*: Phạm Thị L, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hai Thủ, xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh hợp đồng mua bán và bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Đ và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430; 440; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện. Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận và có ý kiến:

Bà Đ và bà L có hợp đồng mua bán thuốc, thức ăn nuôi thủy sản. Hai bên thỏa thuận miệng phía bà Đ cung cấp thuốc thức ăn theo yêu cầu của bà L và bà L thanh toán tiền thuốc, thức ăn cho bà Đ khi thu hoạch xong. Lúc đầu hai bên thực hiện rất tốt dần về sau bà L thu hoạch xong không trả tiền. Đến năm 2019 hai bên chốt lại thì bà L còn nợ bà Đ số tiền 62.367.000 đồng có làm biên nhận do bà L ký tên nên hợp đồng mua bán giữa bà Đ và bà L là có thật. Sau khi thu hoạch bà L không trả tiền

cho bà Đ như hai bên thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 62.367.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Phía bà L cho là có trả cho bà Đ một phần, số tiền còn nợ lại 53.000.000 đồng, bà Đ cho rằng từ khi chót nợ bà L không có trả phần nào. Tòa án đã ra quyết định buộc bà L cung cấp chứng cứ, chứng minh bà còn nợ bà Đ 53.000.000 đồng nhưng bà L đã không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà có trả tiền cho bà Đ và nợ lại số tiền 53.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên buộc bà L phải trả cho bà Đ số tiền 62.367.000 đồng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Buộc bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền 62.367.000 đồng.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn nộp theo quy định pháp luật

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

-Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Khắc Hồi Nguyễn Thị Thúy Liễu

Đỗ Thị Thu Hằng